

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 26-4-2019.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý

Bà Dương Thị Mỹ Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Mộng A**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E**- Có mặt.

Bị đơn: **Anh Trần Văn D**, sinh năm 1978; **nơi ĐKKHKT: Ấp B1, xã F, huyện G, tỉnh E**; tạm trú: **Ấp S, xã T, huyện Tr, tỉnh E**- Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Mộng A** trình bày: **Chị và anh D** tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 13-11-2006 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng **chị** sống về sống chung với cha mẹ chồng tại **Ấp B1, xã F, huyện G, tỉnh E**. Đến năm 2009, vợ chồng thuê nhà trọ tại **ấp S, xã T, huyện Tr** và làm công nhân khu công nghiệp Trảng Bàng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến xung đột, cãi vã nhau. **Chị** đã cố gắng để vợ chồng hòa hợp chung sống nhưng không được. Đến tháng 4-2018 **chị** bỏ ra thuê nhà trọ sống riêng và vợ chồng sống

ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đạt H, sinh ngày 19-3-2008 và Trần Đăng K, sinh ngày 12-6-2012, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn D đã được Tòa án: Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ anh D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D đều cố tình vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh D.
- Về con chung: Giao 02 cháu Trần Đạt H, sinh ngày 19-3-2008 và Trần Đăng K, sinh ngày 12-6-2012 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ anh D đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 04 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian sống chung chị A và anh D thường xuyên bất đồng quan điểm, cách sống, từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau; từ mâu thuẫn nhỏ dần dần thành mâu thuẫn lớn không giải quyết được, nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai anh Trần Văn D ngày 13-3-2019 thể hiện anh đồng ý ly hôn với chị A. Con chung đồng ý giao chị A nuôi hai cháu, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù anh D không ký tên vào biên bản lấy lời khai, nhưng nội dung thể hiện trong biên bản là do anh D trình bày trước sự chứng kiến của địa phương nên vẫn được xem là chứng cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ anh D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia

phiên tòa nhưng anh D đều cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị A và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và cả hai cùng có nguyện vọng được ly hôn. Nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai cháu tên Trần Đạt H, sinh ngày 19-3-2008 và Trần Đăng K, sinh ngày 12-6-2012, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị A, nguyện vọng của hai cháu là tiếp tục sống với mẹ và chị A cũng yêu cầu được nuôi hai con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và cháu K là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng A đối với anh Trần Văn D. Chị Nguyễn Thị Mộng A được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Trần Đạt H, sinh ngày 19-3-2008 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 12-6-2012 cho chị A có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Ghi nhận chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con;

- Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số A tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016812 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Trường Tây, huyện Hòa Thành;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy